

Bản án số: 01/2020/HC - PT

Ngày: 04 - 5 - 2020

“V/v khiếu kiện yêu cầu huỷ bỏ thông báo
trả lời về xin cấp lại quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quảng Lục

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ

Bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh – Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2020/TLPT- HC ngày 03 tháng 02 năm 2020, về việc “Khiếu kiện yêu cầu huỷ bỏ thông báo trả lời về xin cấp lại quyền sử dụng đất”, do bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 06/12/2019 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2020/QĐ-PT ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị Kim O (Trần Thị X); thường trú tại: Thôn 4 xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thế T; cư trú tại: Số 2, kiệt 144 đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C, Chủ tịch UBND xã L; có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Hợp tác xã (HTX) Q (Nay là HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp Nông nghiệp L); người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Đ - Giám đốc; có mặt.

4. *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn D; cư trú tại: Thôn 2 L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Ông Hoàng Công A; cư trú tại: Thôn 2 L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T; cư trú tại: Thôn 6 L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và ý kiến tại các phiên đối thoại, người khởi kiện bà Trần Thị Kim O trình bày: Căn cứ vào sổ khoán được Hợp tác xã Q cấp ngày 08/5/2015 người ký là Nguyễn Thanh H, kế toán Hợp tác xã Q, thì bà O được Hợp tác xã Q giao diện tích ruộng 2,59 sào, định mức nộp sản lượng cho Hợp tác xã 1 sào 17 kg thóc, tổng cộng là 44 kg thóc mỗi vụ. Từ ngày được giao diện tích đất ruộng nói trên, bà O đã sử dụng đất và nộp sản lượng (tức là thuế) đầy đủ cho Hợp tác xã, tuy nhiên không rõ đây là thuế gì. Khi biết Ủy ban nhân dân (UBND) xã L giao diện tích đất này cho người khác sử dụng, bà đã gửi đơn đến UBND xã L, được UBND xã L trả lời bằng Thông báo số 56/TB-UBND ngày 30/6/2019, theo đó không chấp nhận đơn của bà. Nhận thấy thông báo này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ Thông báo số 56/TB-UBND ngày 30/6/2019, công nhận quyền sở hữu của bà đối với diện tích 2,59 sào (1.295m²) nói trên.

Đại diện theo pháp luật của người bị kiện - Ủy ban nhân dân xã L ông Nguyễn Văn C trình bày ý kiến như sau: Năm 1988 UBND xã L giao cho Hợp tác xã Q sử dụng một số diện tích đất ruộng, trong đó có diện tích đất 2,59 sào nói trên. Năm 1991, UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận cho Hợp tác xã Q nhiều thửa đất trên một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có thửa đất số 56, diện tích 71.591 m², mục đích sử dụng là đất nông nghiệp. Phần diện tích 2,59 sào có tranh chấp nói trên thuộc thửa đất số 56 này. Từ năm 1991 đến năm 1992 thửa đất số 56 là đất gieo mạ, được chia hàng năm cho các hộ gia đình. Từ năm 1993 đến năm 1994, Hợp tác xã Q cho Trường Phổ thông cơ sở L mượn 2,59 sào đất trên để làm lúa. Năm 1995, Trường Phổ thông cơ sở L không sử dụng nữa, trả lại cho Hợp tác xã, nên Hợp tác xã cho ông Trần Đình D (bố của bà O) mượn, bà O là lao động chính trong gia đình, nên là người trực tiếp sử dụng diện tích đất ruộng này. Năm 2005, bà O đi nước ngoài, 2,59 sào đất này không ai sử dụng, nên Hợp tác xã thu hồi. Từ năm 2005 đến năm 2008, có một số hộ dân mượn diện tích đất ruộng này. Năm 2008, theo chủ trương chung của UBND xã L thu hồi lại số đất dự phòng 5% trước đây để giao cho Hợp tác xã, trong đó có 2,59 sào đất trên, nên Hợp tác xã Q đã giao lại số đất trên cho UBND xã L. Việc bà O cho rằng Hợp tác xã Q đã thu thuế đối với diện tích đất 2,59 sào mà gia đình bà đã thuê của Hợp tác xã là không đúng, vì tiền mà HTX đã thu đối với gia đình bà là tiền dịch vụ thủy lợi, cung cấp nước, bảo vệ và quản lý đồng ruộng, bao gồm cả ruộng được giao theo Nghị định 64 của Chính phủ và 2,59 sào ruộng nói trên. Năm 2009, UBND xã L thấy rằng phần đất ruộng này xấu, canh tác không có năng suất, nên đã đổi đất cho một số hộ gia đình, để tạo khuôn viên làm Trường mầm non thôn 2, cụm L1. Do đó, việc bà Oanh yêu cầu huỷ bỏ Thông báo số 56/TB-UBND ngày 30/6/2019 của UBND xã L là không có căn cứ.

Ông Nguyễn Minh Đ là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp nông nghiệp L) có ý kiến

nhất trí với ý kiến của đại diện theo pháp luật của người bị kiện, đồng thời bổ sung ý kiến là từ năm 2005 đến năm 2019, HTX chỉ thu phí dịch vụ của bà O đối với đất được giao theo Nghị định 64, không thu phí dịch vụ phần đất 2,59 sào trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút yêu cầu tòa án công nhận quyền sở hữu của mình đối với diện tích đất 2,59 sào thuộc thôn 4, xã L

Bản án sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 06/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 99, 100, 105 Luật Đất đai 2013; Điều 31 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim O về hủy bỏ Thông báo số 56/TB-UBND ngày 30/6/2019 của UBND xã Lộc Ninh, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Đình chỉ yêu cầu công nhận quyền sở hữu thửa đất diện tích 2,59 sào (1295 m²) thuộc A, thôn 4, xã L, do người khởi kiện rút yêu cầu và không thuộc thẩm quyền Tòa Hành chính giải quyết.

3. Buộc bà Trần Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005514 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong hạn luật định, ngày 18/12/2019, bà Trần Thị Kim O kháng cáo, nội dung tóm tắt cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã có những đánh giá không khách quan, không phù hợp với các tình tiết của vụ án, bỏ qua nhiều chứng cứ quan trọng, đưa ra phán quyết không dựa trên các quy định pháp luật, cụ thể ở các vấn đề sau:

Thứ nhất, đã bỏ qua vi phạm nghiêm trọng về thủ tục hành chính của UBND xã L khi cơ quan này ban hành Thông báo số 56/TB-UBND ngày 30/6/2019, vì văn bản này được ban hành sau khi bà O có đơn yêu cầu được xem xét việc giải quyết đền bù đất, đề nghị xem xét tranh chấp đất giữa bà và 10 người khác ở cùng địa phương. UBND xã L không thực hiện việc hòa giải mà lại giải quyết thông qua ban hành Thông báo số 56/TB-UBND, vi phạm về thẩm quyền giải quyết theo quy định của Luật Đất đai.

Thứ hai, HTX Q, nay là HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp Nông nghiệp L (gọi tắt là HTX L) cho rằng phần đất 2,59 sào giao cho bà đang là đất dự phòng của HTX, hình thức giao là tạm thời là không có căn cứ, nhưng bản án sơ thẩm của Tòa án vẫn chấp nhận.

Thứ ba, án sơ thẩm đã bỏ qua những chứng cứ quan trọng xác nhận việc HTX L đã giao đất cho bà Oanh. Đó là giấy xác nhận của ông Hoàng Công D, người Chủ nhiệm HTX Q từ năm 1988 đến năm 2019, Giám đốc HTX L từ năm 2017 đến năm 2018 khẳng định phần đất giao cho bà O là đất nông nghiệp, được giao cho cá nhân sử dụng lâu dài; các biên lai nộp thuế, phí dịch vụ nông nghiệp hàng năm của bà O; sổ ghi nhận việc nộp thuế của bà O có đóng dấu của HTX Q. Mặt khác, bà O là người có hộ khẩu thường trú và là người làm nông nghiệp tại địa phương, chưa được giao đất lần nào, nên thuộc đối tượng được giao đất theo Điều 6, Điều 9 Nghị định 64/1993/NĐ-CP của Chính phủ, nên trong việc giao đất cho bà O nói ở trên là trái thẩm quyền theo quy định pháp luật, nhưng theo Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì bà O có đủ điều kiện là người sử dụng hợp pháp diện tích 2,59 sào đất nói trên.

Do đó, bà O yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 06/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có ý kiến như sau:

Hội đồng xét xử, thư ký tòa án, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính. Về đơn kháng cáo đã gửi trong hạn luật định, theo đúng quy định pháp luật, nên cần được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo thấy rằng:

Thứ nhất, đơn của ông D (bố của bà O) khi làm đề nghị cấp có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất mà hộ gia đình ông đang sử dụng, không có thửa đất 2,59 sào. Do đó, thửa đất 2,59 sào này không thuộc loại đất nông nghiệp được cấp thẻ đỏ theo Nghị định 64/CP của Chính phủ.

Thứ hai, theo số theo dõi của HTX Q thì đến tháng 8/2005, bà O không còn nộp bất cứ loại thuế hay lệ phí gì.

Thứ ba, từ năm 2010, khi UBND xã L đổi đất cho một số hộ gia đình để mở rộng Trường mầm non của xã, một số hộ sử dụng thửa đất 2,59 sào này, nhưng trong thời gian dài bà O không có ý kiến tranh chấp gì.

Thứ tư, trong vụ kiện này, bà O không cung cấp được tài liệu gì để chứng minh thửa đất 2,59 sào bà được giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ.

Do vậy, có đủ cơ sở xác định thửa đất 2,59 sào này là đất HTX quản lý, ông D mượn sử dụng chứ không phải đất thuộc diện được cấp theo Nghị định 64 của Chính phủ. Mặt khác, thông báo số 56/TB là đối tượng khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm, buộc bà Oanh chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 17/5/2019, bà Trần Thị Kim O có đơn gửi UBND xã L và các cấp có thẩm quyền xin cấp lại quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với thửa đất 2,59 sào thuộc vùng A, thôn 4, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Theo đơn thì sau khi lập gia đình, bà O có làm đơn xin HTX và được UBND xã L duyệt cấp cho bà 2,59 sào ở khu vực ruộng mà trước đó các thầy cô dạy học trong xã đã làm, thuộc vùng A, thôn 4, xã L, thành phố Đ. Sau khi được cấp ruộng, HTX đã lập sổ khoán ruộng cho bà, mang tên Trần Thị X và bà đã nộp thuế đầy đủ cho HTX. Cho đến nay, bà vẫn không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, nên bà làm đơn trình bày với UBND xã L và các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết để gia đình bà được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với thửa đất 2,59 sào nói trên.

[2] Ngày 30/6/2019, UBND xã L đã ban hành Thông báo số 56/TB-UBND, theo đó, nội dung cho rằng tuy trước đây bà O có được HTX Q giao sử dụng thửa đất 2,59 sào thuộc thôn 4, xã L, nhưng việc giao đất cho bà O sử dụng nói trên không phải là giao theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thửa đất này là đất dự phòng 5% của xã, khi bà O được sử dụng vẫn thuộc quyền quản lý của HTX Q. Mặt khác, từ năm 2006, bà O đi lao động ở nước ngoài, không còn sử dụng thửa đất này, nên đến năm 2010, UBND xã L đã giao thửa đất trên cho các hộ gia đình khác sử dụng để đổi đất phục vụ cho việc mở rộng khuôn viên Trường mầm non thôn 2, cụm L. Do đó, không chấp nhận đơn xin cấp lại quyền sử dụng đất nông nghiệp của bà O đối với thửa đất 2,59 sào nói trên.

[3] Thông báo số 56/TB-UBND ngày 30/6/2019 của UBND xã L thể hiện quan điểm của UBND xã Lộc N là việc bà O xin cấp lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất 2,59 sào thuộc vùng A, thôn 4, xã L không có căn cứ pháp luật, chỉ có ý nghĩa giúp cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 59 về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Luật Đất đai hiện hành thì thẩm quyền giao đất thuộc UBND cấp tỉnh và cấp huyện; UBND cấp xã chỉ có thẩm quyền cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn. Trong khi đó, nội dung đơn của bà O không phải tranh chấp về việc thuê quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích của xã L mà có nội dung xin được cấp đất đối với thửa đất 2,59 sào nói trên, vì bà cho rằng bà được đối tượng được cấp đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, Thông báo số 56/TB-UBND ngày 30/6/2019 của UBND xã L không làm phát sinh, thay đổi hoặc hủy bỏ quyền và nghĩa vụ của bà O về vấn đề được giao quyền sử dụng đối với thửa đất 2,59 sào nói trên. Như vậy, Thông báo số 56/TB-UBND ngày 30/6/2019 của UBND xã L không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án, việc Tòa án sơ thẩm thụ lý và xét xử vụ án là vi phạm điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng Hành chính, nên cần hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính.

[4]. Để những vướng mắc xung quanh vụ án này được giải quyết đúng trọng tâm, về người khởi kiện, bà Trần Thị Kim O cần xác định rõ yêu cầu của mình. Nếu có yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 2,59 sào trên thì thẩm quyền giải quyết thuộc UBND thành phố Đ, ý kiến của UBND xã L chỉ là một trong những cơ sở để UBND thành phố Đ tham khảo, xem xét, quyết định theo quy định pháp luật; còn nếu đang tranh chấp với các hộ gia đình khác về việc bà O không được thuê thửa đất này và thửa đất này là đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã L thì thẩm quyền giải quyết thuộc UBND xã L. Và khi đó, văn bản giải quyết của UBND xã L mới được xác định là đối tượng của vụ án hành chính. Về phía UBND xã L, cần xác định rõ đâu là quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã để việc sử dụng loại đất này theo đúng quy định pháp luật, hạn chế những tranh chấp trong nội bộ xã và khi có tranh chấp xảy ra, có căn cứ pháp luật rõ ràng để giải quyết. Mặt khác, khi đã xác định đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã thì UBND xã chỉ được cho người sử dụng đất thuê đất, không được giao đất một cách không rõ ràng, thiếu căn cứ pháp luật làm phát sinh tranh chấp rất khó giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 4 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính; hủy bản án sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 06/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

2. Bà Trần Thị Kim O không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị Kim O số tiền 600.000 đồng. Số tiền này thu tại các biên lai số 0005514 ngày 05/9/2019 và số 0005687 ngày 24/12/2019 đang gửi tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Quảng Lực